

Số: 185 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTr ngày 17/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về việc thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Sở), từ ngày 29/7/2024 đến ngày 08/8/2024, Đoàn thanh tra đã thực hiện kiểm tra, xác minh tại Sở.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thông tin về địa phương

- Gia Lai là tỉnh miền núi, nằm ở phía bắc Tây Nguyên; có tổng diện tích tự nhiên là 15.536 km²; có 17 đơn vị hành chính cấp huyện và 220 đơn vị hành chính cấp xã.

- Dân số toàn tỉnh là 1.590.981 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 45,81%.

- Tính đến hết tháng 7/2024, Gia Lai có 3.987 đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng người lao động thuộc đối tượng tham gia BHTN; tổng số người tham gia BHTN: 69.976 người.

2. Thông tin về Sở

- Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động, tiền lương và việc làm; giáo dục nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; các nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ cấu tổ chức của Sở gồm:

+ Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc;

+ Các phòng chuyên môn: Văn phòng, Thanh tra, phòng Chính sách người có công, phòng Chính sách xã hội, phòng Chính sách lao động.

+ 03 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Trung tâm); Trung tâm Bảo trợ xã hội; 01 cơ sở cai nghiện ma túy.

- Phòng Chính sách lao động là phòng chuyên môn tham mưu Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động và giáo dục nghề nghiệp.

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần về tổ chức, biên chế, tài chính; thực hiện chức năng tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ: thông tin thị trường lao động; tư vấn, cung ứng, giới thiệu người lao động đi làm việc trong tỉnh, trong nước và ngoài nước; đào tạo kỹ năng phỏng vấn, tìm kiếm việc làm và các kỹ năng làm việc khác; giáo dục nghề nghiệp và thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam và BHTN

1.1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản và hướng dẫn cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực BHTN tại địa phương

- Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định tổ chức thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN tại địa phương (Phụ lục số 01).

- Sở đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện chính sách về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực BHTN (Phụ lục số 02).

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam và BHTN

Sở đã tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tổ chức 36 phiên giao dịch việc làm định kỳ và lưu động tuyên truyền, tư vấn cho 9.052 lượt người lao động; tổ chức 49 buổi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho 7.859 lượt người lao động.

- Tổ chức 02 hội nghị tư vấn về việc làm, học nghề cho 154 người lao động đang hưởng TCTN.

- Phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh và Công đoàn khu kinh tế tỉnh tổ chức đối thoại với 250 người lao động về chính sách BHXH, BHTN.

- Phối hợp với cơ quan BHXH tỉnh và Liên đoàn lao động tỉnh tổ chức 03 hội nghị tuyên truyền về chính sách BHTN cho 230 người lao động của 121 đơn vị, doanh nghiệp.

- Tuyên truyền 04 số trên Báo Gia Lai, 01 số trên Tạp chí Lao động - Xã hội, 02 phóng sự trên Đài truyền hình tỉnh, 10 chuyên đề phát thanh trên Đài phát thanh tỉnh nhằm tuyên truyền các nội dung liên quan đến chính sách, pháp luật về BHTN.

- In phủ lại 05 pano tuyên truyền về chính sách BHTN, phủ lại 02 bảng pano phía trước khu vực sàn giao dịch việc làm và lắp đặt mới 02 pano tuyên

truyền về hướng dẫn nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Tổ chức 03 hội nghị nội bộ tại cơ quan, trao đổi kinh nghiệm, đánh giá quá trình triển khai thực hiện nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Trung tâm làm công tác BHTN.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai thực hiện tuyên truyền pháp luật về chính sách BHTN cho 61 người của 39 đơn vị, doanh nghiệp.

- Phát 17.000 tờ rơi và 1.500 sổ tay chuyên đề về việc làm và BHTN cho người lao động và người sử dụng lao động.

- Tổ chức phổ biến tuyên truyền lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam qua mạng xã hội: thành lập nhóm zalo nhằm kết nối các doanh nghiệp sử dụng lao động người nước ngoài để tuyên truyền chính sách, pháp luật cho người sử dụng lao động, người lao động; tiếp thu ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động, người lao động.

1.3. Công tác phối hợp giữa Sở với các sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHTN, quản lý NLĐNN làm việc tại địa phương

- Đối với lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam: công tác phối hợp giữa Sở với các Sở, ban, ngành khác được thực hiện theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại tỉnh Gia Lai.

- Đối với lĩnh vực BHXH, BHTN: Sở và BHXH tỉnh Gia Lai thực hiện phối hợp theo Quyết định số 559/QCPH-SLĐTBXH&BHXH ngày 08/6/2018 về phối hợp trong hoạt động thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN; Trung tâm và BHXH tỉnh Gia Lai thực hiện phối hợp theo Quyết định số 570/QCPH-BHXH & TTDVVL ngày 02/7/2019 về quy chế phối hợp thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN.

1.4. Công tác quản lý NLĐNN làm việc tại địa phương

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/7/2024, Sở đã tiếp nhận, chấp thuận cho 38 đơn vị được sử dụng lao động là NLĐNN, cấp 74 giấy phép lao động (sau đây viết tắt là GPLĐ) cho NLĐNN, gia hạn 24 GPLĐ cho NLĐNN, xác nhận 06 trường hợp NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ, tiếp nhận 04 báo cáo thông tin NLĐNN (đối với trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ).

- Việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ đối với NLĐNN làm việc tại tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 152) và Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152 (sau đây gọi là Nghị định số 70). Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành thủ tục hành chính về quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam. Hồ sơ về cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ cho NLĐNN nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

1.5. Việc lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương

Đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152 (bản điện tử); đã cập nhật thông tin về NLĐNN

đầy đủ theo quy định. Tại thời điểm thanh tra, Sở đang quản lý, theo dõi 45 NLĐNN làm việc tại địa phương.

1.6. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về NLĐNN làm việc tại địa phương, lĩnh vực BHTN với UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH

Sở đã thực hiện báo cáo định kỳ về NLĐNN tại địa phương, lĩnh vực BHTN về UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH theo quy định (Phụ lục số 03).

2. Việc thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

2.1. Công tác chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương

- Việc chấp thuận nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc:

+ Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 18/9/2023, Sở thực hiện tiếp nhận, chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN theo quy định tại Nghị định số 152; từ ngày 18/9/2023 đến thời điểm thanh tra, Sở tiếp nhận, ban hành văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN theo quy định tại Nghị định số 70.

+ Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/7/2024, Sở đã tiếp nhận 59 văn bản giải trình nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của 38 tổ chức, đơn vị sử dụng NLĐNN với 118 vị trí công việc được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị (chuyên gia: 75, lao động kỹ thuật: 43); ban hành 59 văn bản chấp thuận cho 38 tổ chức, đơn vị được sử dụng NLĐNN với 118 vị trí công việc (chuyên gia: 75, lao động kỹ thuật: 43); số vị trí công việc không được chấp thuận: không.

- Việc đề nghị các cơ quan, tổ chức giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu: không phát sinh.

- Việc xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển NLĐNN vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam: không phát sinh.

- Việc kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật đối với NLĐNN gói thầu do nhà thầu trúng thầu trên địa bàn thực hiện: không phát sinh.

2.2. NLĐNN làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp GPLĐ

2.2.1. Xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ

- Số hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 06 hồ sơ.

- Số người được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 06 người.

- Số người không được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 0 người.

- Có 03 trường hợp người sử dụng lao động đề nghị xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ chưa đảm bảo trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày NLĐNN bắt đầu làm việc (Phụ lục số 04).

2.2.2. Trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ

- Số NLĐNN không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ nhưng phải báo cáo Sở: 04 người.

- Số NLĐNN đúng đối tượng: 04 người.

- Số NLĐNN không đúng đối tượng: 0 người.

2.3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ

2.3.1. Cấp GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 74 hồ sơ.
- Số người đã được cấp GPLĐ: 74 người.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.
- Kết quả kiểm tra việc cấp 74 GPLĐ:
+ Có 04 văn bản đề nghị cấp GPLĐ không ghi ngày bắt đầu làm việc (Phụ lục số 05).

+ Có 13 văn bản đề nghị cấp GPLĐ cho NLĐNN chưa đảm bảo trước ít nhất 15 ngày, kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam (Phụ lục số 06).

+ Có 22 NLĐNN đã được cấp GPLĐ và ký hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng trở lên thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT hoặc chỉ thuộc đối tượng tham gia BHYT (Phụ lục số 07).

2.3.2. Cấp lại GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 0 hồ sơ.
- Số người đã được cấp lại GPLĐ: 0 người.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết, lý do: 0 hồ sơ.

2.3.3. Gia hạn GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 24 hồ sơ.
- Số người đã được cấp gia hạn GPLĐ: 24 người.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết, lý do: 0 hồ sơ.

2.3.4. Số GPLĐ bị thu hồi

- Số GPLĐ thuộc trường hợp thu hồi trong thời kỳ thanh tra là 58 GPLĐ:
+ Số GPLĐ hết hiệu lực: 58 GPLĐ.
+ Số GPLĐ bị thu hồi theo khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ: 0 GPLĐ.
- Số GPLĐ đã thu hồi: 56 GPLĐ.
- Số GPLĐ chưa thu hồi: 02 GPLĐ. Lý do: người lao động về nước và cầm theo giấy phép lao động.

3. Việc thực hiện các chế độ về BHTN

3.1. Chế độ hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

- Số người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm: 10.682 người.

- Số người lao động có việc làm sau khi được giới thiệu: 269 người.
- Số người lao động 02 lần từ chối việc làm do Trung tâm giới thiệu: 0 người.

3.2. Chế độ trợ cấp thất nghiệp (sau đây viết tắt là TCTN)

3.2.1. Kết quả giải quyết

- Số hồ sơ đề nghị hưởng TCTN đã tiếp nhận: 10.682 hồ sơ;
- + Số hồ sơ đã được giải quyết: 9.869 hồ sơ;
- + Số hồ sơ nộp nhưng không đủ điều kiện hưởng: 525 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 288 hồ sơ;
- + Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: không.
- Số người được hưởng TCTN: 9.869 người với tổng số tiền: 162.871.635.120 đồng.
- Số người tạm dừng hưởng TCTN: 35 người.
- Số người chấm dứt hưởng TCTN: 333 người.
- Số người chưa nhận tiền TCTN: 0 người.
- Số người chuyển hưởng TCTN đi nơi khác: 119 người.
- Số người chuyển đến hưởng tại địa phương: 138 người.
- Kết quả kiểm tra 100 hồ sơ hưởng TCTN, 35 hồ sơ tạm dừng hưởng TCTN, 40 hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN, 20 hồ sơ chuyển nơi hưởng (10 hồ sơ chuyển đến, 10 hồ sơ chuyển đi):
 - + 100 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm không điền đủ thông tin (mục giới thiệu việc làm không điền nội dung về vị trí công việc, mức lương, điều kiện làm việc, địa điểm làm việc).
 - + 100 phiếu thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng của hồ sơ hưởng TCTN chưa điền đủ thông tin (không điền thông tin về kết quả tìm kiếm việc làm).
 - + Phụ lục thông tin tìm kiếm việc làm không có chữ ký xác nhận của cán bộ tiếp nhận tại Trung tâm (hồ sơ hưởng theo Quyết định số 811/QĐ-SLĐTBHX ngày 16/3/2023)
 - + Hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN vì lý do hưởng lương hưu (theo Quyết định số 45/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/01/2023) không lưu thông báo hưởng lương hưu của người lao động.
 - + Không ban hành quyết định tạm dừng hưởng TCTN đối với trường hợp người lao động (được hưởng theo Quyết định số 4815/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/9/2023) không đến thông báo tìm kiếm việc làm.

3.2.2. Thu hồi TCTN hưởng sai quy định

- Sở đã chỉ đạo Trung tâm phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh trong việc kiểm tra, rà soát, đối chiếu dữ liệu đóng, hưởng chế độ BHTN và chủ trì tổ chức thu hồi tiền hưởng chế độ TCTN.
- Số người hưởng TCTN sai quy định từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/7/2024 là 55 người với số tiền phải thu hồi là 284.505.416 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định đã thu hồi từ 01/01/2023 đến ngày 25/7/2024 là 38 người với số tiền đã thu hồi là 185.980.268 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định lũy kế đến ngày 25/7/2024 còn phải thu hồi là 42 người với số tiền 251.155.180 đồng, trong đó: 25 người còn phải thu hồi do hưởng TCTN sai quy định trước ngày 01/01/2023 với số tiền phải thu hồi là 152.630.032 đồng (Phụ lục số 08).

3.3. Chế độ hỗ trợ học nghề (HTHN)

- Thời gian HTHN từ 03 đến 06 tháng; mức HTHN tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo nghề đến 03 tháng, tính theo tháng, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng/khóa đào tạo nghề trên 03 tháng.

- Kết quả giải quyết:

+ Số hồ sơ đề nghị HTHN đã tiếp nhận: 218 hồ sơ; số hồ sơ đã được giải quyết: 212 hồ sơ; số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết: 06 hồ sơ; số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ; số tiền HTHN đã chi: 1.346.250.000 đồng;

+ Số quyết định hủy quyết định hưởng HTHN: 0 quyết định;

+ Đã thu hồi tiền HTHN sai quy định: 01 trường hợp với số tiền 7.500.000 đồng.

3.4. Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động: không phát sinh.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam

4.1. Công tác thanh tra

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở chưa thanh tra về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về lĩnh vực BHTN tại cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện và tại đơn vị sử dụng lao động.

- Số sai phạm đã kiến nghị: 28.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau thanh tra: các đơn vị đã thực hiện đầy đủ các kiến nghị.

- Số cuộc thanh tra đột xuất: 0 quyết định.

4.2. Công tác kiểm tra

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BHTN và NLĐNN tại 10 doanh nghiệp.

- Số sai phạm đã kiến nghị: 0 kiến nghị.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau kiểm tra: không phát sinh.

- Số cuộc kiểm tra đột xuất: không.

4.3. Công tác xử lý vi phạm về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính/số tiền xử phạt về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN: không.

- Tình hình thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả: không phát sinh.

4.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN đã được Sở thực hiện

1.1. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy định tổ chức thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, ban hành văn bản triển khai chính sách BHTN tại địa phương.

1.2. Đã lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương và cập nhật thông tin về NLĐNN.

1.3. Đã thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 30 Nghị định số 152.

1.4. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về NLĐNN tại địa phương, lĩnh vực BHTN về UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH theo quy định

1.5. Đã tiếp nhận văn bản xác định nhu cầu và giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương của người sử dụng lao động.

1.6. Đã ban hành văn bản về việc chấp thuận, không chấp thuận nhu cầu hoặc thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương.

1.7. Đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ của các đơn vị sử dụng lao động và tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ theo quy định.

1.8. Đã thực hiện các chế độ về BHTN: tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động thất nghiệp, giải quyết chế độ TCTN, HTHN cho người lao động.

2. Những quy định của pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN chưa được Sở thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Có 03 trường hợp người sử dụng lao động đề nghị xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ chưa đảm bảo trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày NLĐNN bắt đầu làm việc là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 152 (Phụ lục số 04).

2.2. Có 04 văn bản đề nghị cấp GPLĐ không ghi ngày bắt đầu làm việc là không đúng quy định tại Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 152 (Phụ lục số 05).

2.3. Có 13 văn bản đề nghị cấp GPLĐ cho NLĐNN chưa đảm bảo trước ít nhất 15 ngày, kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 152 (Phụ lục số 06).

2.4. Chưa thu hồi 02 GPLĐ của 02 NLĐNN đã hết hạn giấy phép lao động từ tháng 01/2024 (ông Zheng Feng và bà Huang Danna đã về nước) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 152.

2.5. Có 100 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm không điền đủ thông tin (mục giới thiệu việc làm không điền nội dung về vị trí công việc, mức lương, điều kiện làm việc, địa điểm làm việc) là không đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 28.

2.6. Có 100 phiếu thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng của hồ sơ hưởng TCTN chưa điền đủ thông tin (không điền thông tin về kết quả tìm kiếm việc làm) là không đúng quy định tại khoản 6 Điều 10 Thông tư số 28.

2.7. Phụ lục thông tin tìm kiếm việc làm không có chữ ký xác nhận của cán bộ tiếp nhận tại Trung tâm (hồ sơ hưởng theo Quyết định hưởng số 811/QĐ-SLĐTBHX ngày 16/3/2023) là không đúng quy định tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.8. Hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN vì lý do hưởng lương hưu (theo Quyết định số 45/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/01/2023) không lưu thông báo hưởng lương hưu của người lao động là không đúng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

2.9. Không ban hành Quyết định tạm dừng hưởng TCTN đối với trường hợp người lao động (được hưởng theo Quyết định hưởng số 4815/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/9/2023) không đến thông báo tìm kiếm việc làm là không đúng quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

2.10. Số người hưởng TCTN sai quy định lũy kế đến ngày 25/7/2024 còn phải thu hồi là 42 người với số tiền là 251.155.180 đồng, lý do: 40 trường hợp có việc làm nhưng không thông báo với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Gia Lai, 01 trường hợp bị tạm giam và chấp hành hình phạt tù, 01 trường hợp BHXH chốt sổ BHXH không trừ thời gian đã hưởng TCTN (Phụ lục số 08).

2.11. Chưa thanh tra về NLĐNN làm việc tại địa phương theo quy định tại điểm h khoản 6 Điều 30 Nghị định số 152.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH yêu cầu Giám đốc Sở:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

1.1. Chỉ đạo Trung tâm và Phòng Chính sách lao động của Sở khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

1.2. Khắc phục ngay và khắc phục khi phát sinh đối với thiếu sót nêu tại 2.4 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thu hồi dứt điểm số tiền 251.155.180 đồng hưởng TCTN sai quy định của 42 người hưởng TCTN sai quy định còn phải thu hồi nêu tại điểm 2.10 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

1.4 Tăng cường công tác thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

1.5. Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tổ chức, cá nhân đã để xảy ra các thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2. Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Sở ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

VI. KIẾN NGHỊ NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

Không.

VII. THỜI HẠN THỰC HIỆN

Yêu cầu Giám đốc Sở báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị nêu tại khoản 1 Mục V Kết luận thanh tra này, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm đến Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 15/10/2024./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thu Thủy

